

BIỂU PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG CÔNG TY VIETCOMBANK VISA CORPORATE

STT	Loại phí	Mức phí
1	Phí phát hành	Miễn phí
2	Phí thường niên	200.000 VND/thẻ/năm
3	Phí chuyển đổi ngoại tệ	2.5%/giá trị giao dịch
4	Phí thay đổi hạn mức tín dụng	Miễn phí
5	Phí xác nhận hạn mức tín dụng	Miễn phí
6	Phí vượt hạn mức tín dụng <ul style="list-style-type: none"> ✓ Vượt hạn mức từ 01 đến 05 ngày ✓ Vượt hạn mức từ 06 đến 15 ngày ✓ Vượt hạn mức từ ngày 16 trở đi 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ 8%/ năm (số tiền vượt quá hạn mức) ✓ 10%/ năm (số tiền vượt quá hạn mức) ✓ 15%/ năm (số tiền vượt quá hạn mức)
7	Phí chậm thanh toán	3.0% trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 50.000 VND)
8	Lãi suất	Thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ
9	Phí thay thẻ/phát hành lại thẻ	Miễn phí
10	Phí đòi bồi hoàn	Miễn phí
11	Phí thông báo thẻ mất cấp/thất lạc	Miễn phí
12	Phí rút tiền mặt	4% doanh số rút tiền (tối thiểu 50.000 VND/giao dịch)
13	Phí cung cấp bản sao hóa đơn giao dịch	Miễn phí
14	Phí cấp lại PIN	Miễn phí

Lưu ý:

- Các mức phí từ (1) đến (8) không chịu thuế GTGT.
- Các mức phí từ (9) đến (14): đã bao gồm thuế GTGT
- Phí chuyển đổi ngoại tệ do TCTQT và/hoặc Ngân hàng quy định.
- Phí đòi bồi hoàn: Ngân hàng sẽ không thu phí nếu khách hàng yêu cầu đòi bồi hoàn đúng.
- Tỷ giá quy đổi: Là tỷ giá do Ngân hàng áp dụng theo tỷ giá do các TCTQT quy định hoặc theo tỷ giá qui đổi của Ngân hàng tại thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống của Ngân hàng
- Biểu phí này không bao gồm các loại phí do các Ngân hàng/Tổ chức khác quy định (nếu có).

- Ngân hàng có quyền thay đổi biểu phí này trong từng thời kì và sẽ thông báo các thay đổi về phí 07 ngày trước khi áp dụng, thông qua trang thông tin điện tử chính thức của NH (website: www.vietcombank.com.vn)